

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA DU LỊCH

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Ngoại ngữ 2 – Pháp 3 (French 3)		
Mã học phần:	71TOUR10123	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	242_71TOUR10123_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

III. Nội dung câu hỏi thi

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (12 câu ; 0,25đ/câu)

TẤT CẢ ĐÁP ÁN ĐỀU LÀ CÂU A

1. Điền vào chỗ trống bằng từ thích hợp:

Julie : Je veux manger un croissant.

Tammy : D'accord. Si tu veux, nous pouvons aller à _____ .

- A. la boulangerie
- B. la piscine
- C. la bibliothèque
- D. l'école

2. Điền vào chỗ trống bằng từ thích hợp:

En 2025, je vais à Phu Quoc.....avion.

- A. en
- B. à
- C. de
- D. au

3. Điền vào chỗ trống bằng từ thích hợp:

Je vais au cinéma _____ soir.

- A. ce
- B. cette
- C. ces
- D. cettes

4. Điền vào chỗ trống bằng từ thích hợp:

Je n'aime pas de chocolat. Je mange du chocolat.

- A. rarement
- B. souvent
- C. toujours
- D. tout le temps

5. Xem hình và chọn câu diễn tả đúng vị trí của con vật:

- A. Le chien est dans la boîte.
- B. Le chien est sous la boîte.
- C. Le chien est à côté de la boîte.
- D. Le chien est loin de la boîte.



6. Tìm lời khuyên thích hợp cho vấn đề sau:

Tammy: J'ai faim!

Élie:

- A. Il faut manger des croissants.
- B. Il faut dormir plus.
- C. Vous pouvez faire du sport.
- D. Il faut boire de l'eau.

7. Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Je voyage à Paris en novembre. Je vais à _____ pour prendre l'avion.

- A. l'aéroport
- B. la banque
- C. la bibliothèque
- D. l'école

8. Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Il faut beaucoup _____ lait.

- A. de
- B. de la
- C. du
- D. d'

9. Chọn câu trả lời đúng:

12h30 được viết ra thành chữ trong tiếng Pháp như thế nào?

- A. douze heures trente

- B. midi demi
- C. douze trente
- D. midi heures trente

10. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

Je mange _____ fromage tous les jours.

- A. du
- B. de la
- C. de
- D. des

11. Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Cette année, je vais plus de légumes.

- A. manger
- B. mange
- C. manges
- D. mangent

12. Điền từ thích hợp vào chỗ trống

J'adore lire. Je vais _____.

- A. à la bibliothèque
- B. à la banque
- C. au restaurant
- D. au bar

B. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1. Điền các mạo từ thành phần *du / de la / de l' / des* thích hợp vào chỗ trống: (1 điểm)

- a. Je mange souvent _____ porc au Vietnam.
- b. Je mets _____ ail dans le Pho.
- c. Dans la salade de fruits, il y a _____ bananes.
- d. Je ne mange jamais _____ viande au petit-déjeuner.

Câu 2: Nhìn bản đồ và đưa ra các hướng dẫn chỉ đường để đi từ điểm A đến điểm B. Ít nhất là 3 câu (1,5 điểm)



Pour aller de A à B :

Câu 3: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống. Sinh viên ghi chữ cái của phương án lựa chọn vào bài thi (Vd : (1) a (2) b (3) c) (1,5 điểm)

a. un dessert b. désirez c. la carte d. bouteille e. la formule f. de la viande

Serveur : Bonjour, bienvenue au restaurant « Chez ma mère ». Vous **(1)** _____, quoi s'il vous plaît ?

Garrett : Bonjour, je peux regarder **(2)** _____, s'il vous plaît ?

Serveur : Bien sûr, voici le menu du jour.

Garrett : Parfait ! Regardons-nous. Tu veux quoi, Tammy ?

Tammy : Hmmm, j'adore **(3)** _____. Je prends le steak frites !

Garrett : Ok ! Je prends le magret de canard. Est-ce que tu veux **(4)** _____ ?

Tammy : Ouiiii. Je prends un moelleux au chocolat.

Garrett : D'accord. Donc nous pouvons prendre **(5)** _____ avec un plat et un dessert. C'est OK pour toi ?

Tammy : Parfait !

Garrett : Donc, s'il vous plaît ! Nous prenons deux formules plat + dessert et une **(6)** _____ de vin rouge, le pinot noir.

Serveur : Excellent choix ! C'est noté pour moi.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Câu 4: Dùng các từ được cung cấp để biến thành câu có nghĩa : (1,75 điểm)

Vd: Nous – manger – le chocolat – restaurant le midi.

-> Nous mangeons le chocolat au restaurant le midi.

a. Il – aimer – manger – viande au petit-déjeuner. (0,5đ)

→

b. Tu - pouvoir – aller – l'école – vélo. (0,5đ)

→

c. Elles – aller – utiliser – train - décembre. (0,75đ)

→

Câu 5: Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi về Théo (1,25 điểm)

Je m'appelle Théo. J'habite à Paris et je suis étudiant. Pour aller à l'université, j'utilise souvent le métro. Parfois, quand il fait beau, je vais à l'école à vélo. Dans la semaine, je travaille de 8h à 17h. Je ne travaille pas le weekend. J'adore manger. Je mange tout le temps de la viande. Je ne peux pas être un végétarien. Je n'aime pas les légumes mais j'adore la salade de fruits, spécialement des fraises. Le weekend à 8h, je vais à la bibliothèque pour lire des livres et à 20h, j'aime boire un verre avec mes amis au bar.

a. Théo, il fait quoi le Samedi matin ? (0,25đ)

→

b. Est-ce qu'il va toujours à l'école à vélo ? (0,25đ)

→

c. Il adore manger quoi ? (0,5đ)

→

d. Il déteste quoi ? (0,25đ)

→

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		3đ	
Câu 1 – 10	A	0.25đ X 12	
II. Tự luận		7đ	
Câu 1:	1. du 2. de l' 3. des 4. de la	0.25đ/câu Tổng: 1đ	Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
Câu 2:	Continuez tout droit. Tournez à droite. Prenez la deuxième à gauche. Prenez la première à droite.	Tổng: 1,5đ	
Câu 3:	(1) b (2) c (3) f (4) a (5) e (6) d	0.25/câu Tổng: 1,5đ	- Mỗi lỗi chính tả trừ 0,05đ.
Câu 4:	a. Il aime manger de la viande au petit-déjeuner. (0,5đ) b. Tu peux aller à l'école à vélo. (0,5đ) c. Elles vont utiliser le train en décembre. (0,75đ)	Tổng: 1,75đ	- Mỗi lỗi ngữ pháp hoặc chính tả

			sẽ bị trừ 0,05đ
Câu 5:	a. (0,25đ) → Il va à la biblioth èque (pour lire des livres). b. Est-ce qu'il va toujours à l'école à vélo ? (0,25đ) → Non, il ne va pas toujours à l'école à vélo. c. Il adore manger quoi ? (0,5đ) → Il adore manger de la viande et de la salade de fruits. d. Il déteste quoi ? (0,25đ) → Il déteste les légumes.	Tổng: 1,25đ	- Mỗi lỗi ngữ pháp hoặc chính tả sẽ bị trừ 0,05đ
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2025

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề




ThS. Nguyễn Thị Ngọc Linh

ThS. Đỗ Tuyết Băng Tâm